TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM-PT
Ngày: 08/4/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLPT-KDTM ngày 11/01/2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐ-PT ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V Bank); trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng - Chủ tịch HĐQT (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý (vắng mặt).

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Quang Tú, sinh năm 1995, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng V Bank; địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Việt Long, số 34 Lý Thái Tổ, phường N, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình Ph, sinh năm 1977 (có mặt).
Bà Đặng Thị H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Gia Bình, Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP V (V Bank).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: *Nguyên đơn trình bày:* Ngân hàng TMCP V (V) cho anh Nguyễn Đình P và chị Đặng Thị H vay khoản tiền như sau: Hợp đồng tín dụng số 11084809 ký ngày 06/01/2017, số tiền vay 925.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn

kinh doanh đồ gỗ và sản xuất đồ gỗ; thời hạn vay 120 tháng; lãi suất là 9,8%/năm (điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần + biên độ 5%).

Để bảo đảm khoản vay, anh P và chị H đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 03 tại thôn B, xã Đ, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ Ông Nguyễn Đình Ph theo hợp đồng thế chấp số 11084809/TC ngày 06/01/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh P và chị H đã thanh toán được số tiền gốc là 69.300.000 đồng, lãi là 91.426.024 đồng. Hình thức trả nợ: Anh P và chị H nộp tiền vào tài khoản do chị H mở tại V, sau đó V tự khấu trừ khoản tiền đã nộp trong tài khoản cho từng khoản nợ.

Ngày 25/10/2017, anh P và bà Hà vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên khoản vay của anh P, chị H chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn từ ngày 25/10/2017. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng anh P, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền anh P và chị H còn nợ ngân hàng là: 1.670.290.982 đồng; trong đó: tiền gốc là 855 700.000đ; lãi phải trả là 652.500.565đ; lãi phạt chậm trả là 162.090.417 đồng.

Ngân hàng V đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh P, chị H phải trả toàn bộ khoản tiền nêu trên và toàn bộ lãi phát sinh đến ngày thực trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp anh P, bà Hà không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V có yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình P trình bày: Anh xác định vợ chồng anh có vay của Ngân hàng V số tiền 925.000.000 đồng từ tháng 01/2017 như Ngân hàng trình bày là đúng. Trong quá trình vay đã trả được Ngân hàng một số tiền nhưng cụ thể là bao nhiêu anh không nắm rõ vì chị H là vợ anh đi trả tiền cho Ngân hàng chứ không phải là anh. Sau khi chị H bỏ đi khỏi nhà thì anh là người trả. Ngân hàng hướng dẫn anh nộp tiền vào tài khoản mà chị H đã mở nên anh không có số liệu cụ thể và không biết Ngân hàng trừ tiền anh nộp vào khoản vay nào vì ngoài khoản vay này, cá nhân chị H còn vay 02 khoản tiền khác nữa của V. Nhưng anh P nhất trí với số tiền mà anh chị đã trả như Ngân hàng trình bày là đúng.

Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh có nghĩa vụ phải trả số tiền gốc còn nợ, lãi và lãi phạt chậm trả, anh đồng ý trả gốc và lãi, tiền lãi phạt chậm trả thì đề nghị Tòa án xem xét vì khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng anh không đọc kỹ điều khoản về lãi phạt chậm trả trong hợp đồng nên anh không đồng ý trả khoản lãi phạt này cho Ngân hàng bởi khoản lãi này Ngân hàng tính lãi trồng lên lãi.

Do công việc làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng anh không có khả năng thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Từ tháng 3/2018, vợ chồng anh không còn khả năng trả nợ. Tại phiên tòa, anh đồng ý xử lý tài sản thế chấp là

đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 03 tại thôn B, xã Đ, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh mang tên Nguyễn Đình P để thanh toán toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 11084809 cho Ngân hàng. Nguồn gốc khối tài sản này là do vợ chồng cùng tạo dựng lên trong thời kỳ hôn nhân nhưng đất đứng tên cá nhân anh.

Anh xác định các con anh chị còn nhỏ không liên quan, không đóng góp gì vào khối tài sản là nhà đất của vợ chồng nên đề nghị Tòa án không lấy lời khai và không đưa các cháu là người liên quan trong vụ án này. Các con anh cũng từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Từ cuối năm 2017, chị H bỏ đi đâu gia đình anh không liên lạc được nên anh không thể tự mình xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký tại Ngân hàng. Do vậy, anh đề nghị Tòa án và Ngân hàng sớm xử lý tài sản thế chấp.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91; Điều 94; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán-TANDTC; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Đình P và chị Đặng Thị H phải trả Ngân hàng V số tiền gốc vay còn nợ là 855.700.000đ, lãi là 656.500.565đ. Tổng số tiền là 1.508.200.565đ.

Kể từ ngày 23/11/2021, anh P và chị H còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn nợ cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng V.

Trường hợp anh P, chị H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 03 tại thôn B, xã Đ, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 586314, số vảo sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H-01880/305-QĐ do UBND huyện Gia Bình cấp ngày 09/10/2007 để thu hồi nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi phạt chậm trả là 162.090.417đ.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2021 nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Đình P và

chị Đặng Thị H phải trả Ngân hàng TMCP V tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 22/10/2021 là 1.670.290.982 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 855.700.000 đồng; nợ lãi: 652.500.565 đồng; lãi phạt: 162.090.417 đồng)

Anh Nguyễn Đình P và chị Đặng Thị H phải tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 11084809 ngày 06/01/2017 kể từ ngày 23/10/2021 cho đến khi anh P, chị H tất toán khoản vay cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Nguyễn Đình P, chị Đặng Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 03, diện tích 382m^2 tại thôn B, xã Đ, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 586314 mang tên Ông Nguyễn Đình Ph do UBND huyện Gia Bình cấp ngày 09/10/2007 để thu hồi nợ.

Anh P sau khi nghe trình bày của phía nguyên đơn đã tự nguyện đồng ý với đề nghị của nguyên đơn

Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ngân hàng TMCP V nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo thì thấy: Ngày 06/01/2017, anh Nguyễn Đình P, chị Đặng Thị H và Ngân hàng TMCP V đã ký Hợp đồng tín dụng số 11084809 với nội dung vay số tiền 925.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ và sản xuất đồ gỗ; hình thức cho vay là cho vay trả góp; thời hạn vay 120 tháng; lãi suất là 9,8%/năm (điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần + biên độ 5%). Để bảo đảm cho khoản vay, anh P và chị H đã ký kết Hợp đồng thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 03, diện tích 382m^2 tại thôn B, xã Đ, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh với Ngân hàng.

Việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 11084809 ngày 06/01/2017 giữa Ngân hàng TMCP V với anh P, chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp về nội dung và

hình thức; đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Việc bản án sơ thẩm xem xét giải quyết đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng trên là phù hợp quy định của pháp luật.

Thứ hai, tại Khế ước nhận nợ lần 01 số 11084809 ngày 06/01/2017 thể hiện anh P và chị H đã được Ngân hàng TMCP V giải ngân đủ số tiền 925.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 25/10/2017, anh P và bà Hà bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên khoản vay của anh P, chị H chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn từ ngày này. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, phía Ngân hàng và anh P đều thống nhất khoản nợ của anh P chị H với Ngân hàng cả gốc và lãi là 1.670.290.982 đồng, cụ thể: Nợ gốc 855.700.000 đồng; nợ lãi 652.500.565 đồng; lãi phạt 162.090.417 đồng.

Riêng đối với khoản lãi phạt 162.090.417 đồng, anh P không nhất trí trả Ngân hàng vì cho rằng khoản này là lãi chồng lãi. Còn phía nguyên đơn sau khi xét xử sơ thẩm đã kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi phạt chậm trả 162.090.417 đồng đối với bị đơn là chưa đúng, chưa đầy đủ. Xem xét đối với khoản lãi phạt này: Theo quy định tại Điều 357 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Bên cạnh đó theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Các loại lãi suất có trong hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 gồm 03 loại lãi khác nhau là: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi chậm trả (lãi phạt) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn. Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định rõ "*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn"*. Đối chiếu với khoản 3 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 11084809 ngày 06/01/2017 các bên có thỏa thuận về khoản tiền phạt chậm trả như sau "*Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức sau: số tiền lãi chậm trả × số ngày chậm trả × 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm)"*. Như vậy, việc thỏa thuận về tiền lãi phạt chậm trả của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu khoản tiền phạt lãi chậm trả tương ứng với số tiền 162.090.417 đồng là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận với

nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, xét thấy sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do anh Nguyễn Đình P và chị Đặng Thị H là hộ cận nghèo nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh P, chị H thuộc trường hợp miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho anh P, chị H.

Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 300; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 94; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP-TANDTC và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn Đình Phúc.

Anh Nguyễn Đình P và chị Đặng Thị H phải trả Ngân hàng TMCP V tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 22/10/2021 là 1.670.290.982 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 855.700.000 đồng; nợ lãi: 652.500.565 đồng; lãi phạt: 162.090.417 đồng)

Anh Nguyễn Đình P và chị Đặng Thị H phải tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 11084809 ngày 06/01/2017 kể từ ngày 23/10/2021 cho đến khi anh P, chị H tất toán khoản vay cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Nguyễn Đình P, chị Đặng Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 03, diện tích 382m^2 tại thôn B, xã Đ, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 586314 mang tên Ông Nguyễn Đình Ph do UBND huyện Gia Bình cấp ngày 09/10/2007 để thu hồi nợ.

2. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đăng tin tìm kiếm người vắng mặt.

2.1. Về án phí: Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 24.459.000đ

tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002034 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Ngân hàng TMCP V phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ số tiền 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0006856 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại cho anh Nguyễn Đình P và chị Đặng Thị H.

2.2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đăng tin tìm kiếm người vắng mặt: Ngân hàng TMCP V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đăng tin tìm kiếm chị Đặng Thị H (Xác nhận Ngân hàng TMCP V đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *TAND huyện Gia Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Gia Bình;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình